

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 12-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trang Văn Hai

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 1 - Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng
Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1408/2025/TLST-
HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày
11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2025/QĐST-HNGĐ
ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tùng L**, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã C, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: Ấp T, xã M,
huyện X, tỉnh An Giang).

Địa chỉ liên lạc: B đường Đ, khu phố S, phường E, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ:
B đường Đ, khu phố S, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Bà **Võ Thị Hồng V**, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: Tổ M, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ:
Tổ M, khu phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn
ông Nguyễn Tùng L trình bày:**

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu, ông Nguyễn Tùng L và bà Võ Thị
Hồng V phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Ông và bà V đăng ký
kết hôn vào ngày 28/9/2010 và được Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành

phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 230, quyển số I/2010. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự cưỡng ép.

Quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và gay gắt. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay ông xác định không còn tình cảm với bà V, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Võ Thị Hồng V.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Võ Tuấn A, sinh ngày 02/12/2010 và Nguyễn Võ Đăng Kh, sinh ngày 08/8/2018. Khi ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì bận công việc nên ông xin vắng mặt trong các phiên tòa xét xử của Tòa án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành theo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Nguyễn Tùng L được ly hôn với bà Võ Thị Hồng V.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Võ Tuấn A, sinh ngày 02/12/2010 và Nguyễn Võ Đăng Kh, sinh ngày 08/8/2018 cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà V không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Ông L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tùng L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị Hồng V đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ M, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Tổ M, khu phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Tùng L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn bà Võ Thị Hồng V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tùng L và bà Võ Thị Hồng V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 230, quyển số I/2010 ngày 28/9/2010, nên quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với bà V với lý do hiện nay không còn tình cảm với ông L; trong thời gian chung sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau; cuộc sống hôn nhân thường xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Hiện nay ông L, bà V đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà V để làm việc, hòa giải nhưng bà V vắng mặt không có lý do, thể hiện việc bà V đã bỏ mặc, không mong muốn hòa giải để hàn gắn, níu kéo tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với ông L. Từ những căn cứ trên, xét hôn nhân giữa ông L và bà V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu ly hôn với bà V là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tùng L, cho ông L được ly hôn với bà Võ Thị Hồng V.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống ông L và bà V có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Võ Tuấn A, sinh ngày 02/12/2010 và Nguyễn Võ Đăng Kh, sinh ngày 08/8/2018. Ông L xin được nuôi cả 02 (hai) con chung, tạm thời không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Tại bản tự khai trình bày nguyện vọng cháu Tuấn A và cháu Kh đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà V không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh khả năng và điều kiện nuôi con. Ông L hiện có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Để đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất của các con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn; không chia rẽ tình cảm anh, em, Hội đồng xét xử xét thấy giao cả hai cháu Tuấn A và cháu Kh cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà V do ông L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Tùng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tùng L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bà Võ Thị Hồng V.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Tùng L được ly hôn với bà Võ Thị Hồng V.

- *Về con chung*: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Võ Tuấn A, sinh ngày 02/12/2010 và Nguyễn Võ Đăng Kh, sinh ngày 08/8/2018 cho ông Nguyễn Tùng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời bà Võ Thị Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tùng L phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007610 ngày 20/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai). Ông Nguyễn Tùng L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai;
- UBND phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 230, quyền số I/2010);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Kim Thoa